

Số: 1223 /BC-SNN

Tuyên Quang, ngày 17 tháng 6 năm 2016

BÁO CÁO
Kết quả sản xuất mía đường niên vụ 2015-2016
kế hoạch thực hiện niên vụ 2016-2017

Thực hiện Văn bản số 408/CB-NS ngày 20/5/2016 của Cục chế biến Nông lâm thủy sản và nghề muối về việc báo cáo số liệu chuẩn bị cho Hội nghị tổng kết mía đường niên vụ 2015-2016;

Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo kết quả sản xuất mía đường niên vụ 2015-2016 và kế hoạch thực hiện niên vụ 2016-2017 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang cụ thể như sau:

1. Về quy hoạch vùng nguyên liệu mía

Năm 2015 Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 15/9/2015 Quyết định về việc phê duyệt quy hoạch vùng nguyên liệu mía đường đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang với diện tích quy hoạch là: 15.500 ha.

2. Kết quả sản xuất mía nguyên liệu niên vụ 2015-2016 và kế hoạch niên vụ 2016-2017

2.1. Kết quả thực hiện niên vụ 2015-2016

- Diện tích mía nguyên liệu 11.635,8 ha. Trong đó diện tích thực hiện của Công ty Cổ phần mía đường Sơn Dương là: 9.443,3 ha
- Năng suất bình quân toàn tỉnh đạt 595,04 tạ/ha.
- Sản lượng toàn tỉnh đạt 692.373,17 tấn.

2.2. Kế hoạch sản xuất niên vụ 2016-2017

- Diện tích mía nguyên liệu 12.117 ha. Trong đó diện tích kế hoạch thực hiện của Công ty Cổ phần mía đường Sơn Dương là: 9.558 ha.
- Năng suất bình quân toàn tỉnh đạt 650,5 tạ/ha.
- Sản lượng toàn tỉnh đạt 788.236 tấn.

Trong đó diện tích, năng suất, sản lượng cụ thể của Công ty Cổ phần mía đường Sơn Dương như sau:

STT	Danh mục	ĐVT	Vụ sản xuất	
			2015-2016	KH 2016 - 2017
1	Diện tích quy hoạch	ha	15.470,2	15.470,2
2	Diện tích vùng nguyên liệu	ha	9.971,0	10.197
2.1.	Diện tích vùng nguyên liệu trong tỉnh	ha	9.443,3	9.558

2.2.	Diện tích vùng nguyên liệu ngoài tỉnh	ha	527,7	639
	+ Tỉnh Vĩnh Phúc	ha	84,7	69
	+ Tỉnh Phú Thọ	ha	273,6	344
	+ Tỉnh Hà Giang	ha	151,91	202
	+ Tỉnh Yên Bái	ha	17,59	24
3	Diện tích ký hợp đồng đầu tư và tiêu thụ sản phẩm	ha	9.971,0	10.197
3.1.	Diện tích ký hợp đồng đầu tư, hỗ trợ và tiêu thụ sản phẩm	ha	9.971,0	10.197
3.2.	Diện tích chỉ ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm		0	0
4	Năng suất bình quân	tấn/ha	62,1	65,05
5	Sản lượng	tấn	607.529,14	624.000
6	% Diện tích các giống mía trong vùng nguyên liệu:	%	My: 8,6; Quế Đường 21: 4; Roc 10: 29,8; Roc 22: 47,8; YToo6: 3,8; Liễu Thành (1137, 0795, 05136): 1,2; Roc 16+ Quế đường 36: 0,6; Việt đường 0236: 2,4; Giống khác: 1,7	
7	Sản lượng mía được ép hoặc dự kiến (nếu chưa ép xong)	Tấn	607.529,1	624.000
8	Sản lượng đường hoặc dự kiến (nếu chưa ép xong)	Tấn	59.697,4	64.011

3. Tiến bộ kỹ thuật đã áp dụng cho sản xuất

Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào canh tác mía đã được thực hiện cho khâu giống, cải tiến phương thức làm đất, phương thức bón phân, thời vụ thu hoạch, sử dụng phân bón mới, (phân bón Grow More trên diện tích 1.064 ha mía trồng mới). Hiện nay, Trung tâm khuyến nông đang tiếp tục thực hiện mô hình thử nghiệm bón phân viên nén NK cho mía để theo dõi, đánh giá hiệu quả để làm cơ sở cho việc nhân rộng mô hình trong sản xuất.

4. Thuận lợi, khó khăn trong sản xuất niên vụ 2015-2016

4.1. Thuận lợi:

- Hiện tại trên địa bàn tỉnh đã có 02 nhà máy đường công suất 4.000 - 6.000 TMN thuộc Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương, liên kết sản xuất với các hộ dân trồng mía tạo vùng nguyên liệu mía ổn định trên 10.000 ha là tiền đề cho việc phát triển mở rộng sản xuất mía đường trên địa bàn tỉnh, thực hiện tốt công tác xã hội, công ích trên địa bàn thuộc vùng nguyên liệu, tạo công ăn việc làm ổn định cho hàng nghìn lao động, góp phần xoá đói giảm nghèo, ổn định xã hội.

- Công tác quy hoạch vùng nguyên liệu được thực hiện, đảm bảo cho mỗi nhà máy chế biến gắn với một vùng nguyên liệu riêng biệt, ổn định. Các nhà máy chế biến đã xây dựng được kế hoạch phát triển vùng nguyên liệu phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt. Một số giống mía mới có năng suất chất lượng cao diện tích được mở nhân rộng nhanh.

- Việc cung ứng giống, phân bón cho vùng nguyên liệu được công ty thực hiện đầy đủ, kịp thời tạo thuận lợi để trồng đủ diện tích theo kế hoạch và trong khung thời vụ tốt nhất. Làm đất bằng máy đạt trên 30% diện tích mía trồng mới, trồng lại; cơ giới hóa trong công tác BVTV, bóc xếp bước đầu đã được đưa vào sản xuất.

- Nhà máy có chính sách hỗ trợ đầu tư, cam kết giá tối thiểu và ký hợp đồng đến từng hộ, nhân dân yên tâm sản xuất.

4.2. Khó khăn:

- Công tác thu mua vận chuyển gặp nhiều khó khăn, toàn Tỉnh đã bê tông hóa 2.777km đường giao thông nông thôn, tuy nhiên đường giao thông nội đồng để vận chuyển mía nguyên liệu vẫn chưa được bê tông hóa toàn bộ, khó khăn cho việc vận chuyển mía nguyên liệu, đã làm tăng chi phí vận chuyển và ảnh hưởng đến tiến độ vận chuyển mía.

- Một số cây trồng khác cho hiệu quả kinh tế cao hơn cây mía nên một số địa phương người dân đã tự chuyển đổi từ diện tích đất trồng mía sang trồng các cây khác như: bưởi, hồng, cam, dong riềng...

- Việc cải tạo, thay thế những giống bị thoái hóa, có năng suất, chất lượng thấp còn chậm; cơ cấu dải vụ chưa hợp lý; cơ giới hóa trong thu hoạch hầu như chưa có dẫn đến chi phí lao động cao.

- Phần lớn đất trồng mía là đất đồi dốc, gây hạn chế việc cơ giới hóa các khâu sản xuất mía, nhất là khâu tưới nước cho mía chưa được đầu tư; tập quán canh tác của người dân, đặc biệt là vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn lạc hậu, chưa quen với sản xuất hàng hóa, đầu tư thâm canh nên năng suất sản lượng mía cây còn thấp và chưa ổn định;

- Tính ổn định của vùng nguyên liệu chưa cao, diện tích phế canh hàng vụ còn nhiều và có xu hướng tăng dần. Thu nhập của hộ trồng mía chưa cao, năng lực cạnh tranh của cây mía còn hạn chế.

- Thực hiện quy trình kỹ thuật trong các khâu: Làm đất, trồng và chăm sóc mía còn hạn chế, trong đó một số diện tích làm đất bằng máy không đạt yêu cầu do thiết kế dàn cây chưa hợp lý.

- Chưa chú trọng tới chất lượng đầu tư; chưa khuyến khích người trồng mía ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và thâm canh tăng năng suất và hợp tác sản xuất. Công tác tuyên truyền, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật về trồng, chăm sóc mía và chính sách đến các hộ trồng mía còn hạn chế.

5. Tình hình thực hiện các dự án và các chính sách đối với vùng nguyên liệu

5.1. Về thực hiện các chương trình dự án:

Đề tài: “Nghiên cứu thực trạng và biện pháp kỹ thuật tổng hợp nhằm duy trì và nâng cao độ phì nhiêu đất tại các vùng trồng mía trọng điểm tỉnh Tuyên Quang”; thời gian thực hiện đề tài từ: 10/2014-3/2017, đơn vị chủ trì thực hiện Viện Thổ nhưỡng Nông hóa; Kinh phí thực hiện: 696.000.000 đồng, nguồn ngân sách khoa học của tỉnh Tuyên Quang cấp.

5.2. Về thực hiện các chính sách phát triển vùng nguyên liệu:

Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị Quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hoá đối với một số cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; hỗ trợ cho vay đối với cây mía trồng mới: định mức cho 10 triệu đồng/ha; mức cho vay hỗ trợ lãi suất tối đa 50 triệu đồng/hộ; năm 2015 kết thực hiện giải ngân hỗ trợ cho vay từ chính sách là: 66.000.000đồng.

Năm 2015 Công ty CP Mía Đường Sơn Dương đã ban hành Chính sách số 182/TB-ĐSD-HĐQT ngày 22/8/2015 của Công ty Cổ phần mía đường Sơn Dương về bộ chính sách đầu tư phát triển vùng nguyên liệu mía trong 5 vụ (từ vụ 2015-2016 đến vụ 2019-2020) cụ thể các nội dung chính sách khuyến khích áp dụng để phát triển vùng nguyên liệu mía như sau: chính sách hỗ trợ phát triển diện tích; ban chỉ đạo các cấp triển khai quy hoạch phát triển diện tích; khuyến khích chủ Hợp đồng trồng mía đầu tư chăm sóc mía nguyên liệu; trồng mới, trồng lại; làm đất bằng máy, thủ công; cung ứng phân bón hữu cơ khoáng và các loại vật tư khác; chăm sóc mía lưu gốc; trồng mía giống vụ hè; chính sách thu mua; hỗ trợ lãi tiền đầu tư ứng trước; hỗ trợ sửa chữa và đầu tư đường giao thông nội đồng, đường vận chuyển; thực hiện mô hình ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật mới...cam kết giá mua mía nguyên liệu bình quân không thấp hơn giá mua các tỉnh phía Bắc... Nhờ có các chính sách của Công ty Cổ phần mía đường Sơn Dương đã giúp các hộ trồng mía tích cực đầu tư phát triển vùng nguyên liệu. Tổng số tiền đã đầu tư cho toàn vùng nguyên liệu của 02 nhà máy để thu hoạch vụ 2015-2016 là 128,8 tỷ; với tổng diện tích 9.443,3 ha.

6. Kết quả triển khai thực hiện QCVN01-98:2012/ BNNPTNT

Căn cứ Thông tư 29/2012/TT-BNNPTNT ngày 03/7/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia chất lượng mía nguyên liệu; Văn bản Số 22/CB-NS ngày 04/1/2013 của Cục Chế biến, thương mại nông lâm thủy sản và nghề muối, về “Phương pháp lấy mẫu xác định chữ đường theo Quy chuẩn quốc gia QCVN 01-98:2012/BNNPTNT của Công ty mía đường Sơn Dương”

Năm 2013 Sở Nông nghiệp và PTNT Tuyên Quang (Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản) đã có Văn bản số 1540/CB-NS ngày 27/8/2013 về việc đánh giá và công bố hợp quy theo Quy chuẩn Quốc gia QCVN 01-98:2012/BNNPTNT và có Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của Công ty cổ phần Mía đường Sơn Dương cho quá trình tổ chức thu mua mía nguyên liệu

phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 01-98:2012/ BNNPTNT có giá trị 03 năm kể từ ngày 22/10/2013.

Qua thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc thu mua mía nguyên liệu của 02 nhà máy đường cho thấy Công ty cổ phần Mía đường Sơn Dương đã tổ chức thu mua mía nguyên liệu đúng với công bố hợp quy theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 01-98:2012/ BNNPTNT, mía vận chuyển đưa về nhà máy luôn đảm bảo đủ độ chín, mía tươi sạch, từ khi thu hoạch đến khi vận chuyển về nhà máy không quá 48 giờ; tạp chất mía không lớn hơn 3%, bình quân cả vụ là: 2,4% (gồm rế lá, dây buộc...); chữ đường bình quân cả vụ đạt 9,97 CCS.

7. Đề xuất, kiến nghị

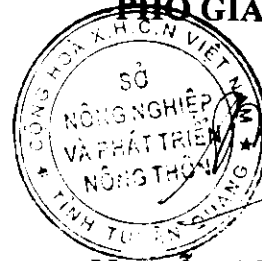
Đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT tạo điều kiện để Tuyên Quang được thực hiện các dự án, mô hình khuyến nông về ứng dụng công nghệ cao và tiến bộ kỹ thuật mới nhằm tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả trồng mía trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Sở Nông nghiệp và PTNT trân trọng báo cáo././.

Nơi nhận: *X*

- Cục CBNLTS&NM; (B/c)
- Lãnh đạo Sở; (B/c)
- Lưu: VT, TrTr.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Công Nông